

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 7 năm 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Lý Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh P V H, sinh năm: 19..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt

Bị đơn: Chị V T L, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh P V H trình bày:

Anh H và chị V T L kết hôn vào ngày 31 tháng 10 năm 2013, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai anh chị không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị ly hôn với chị L

Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là cháu P N T, sinh ngày 15/5/2014 và cháu nhỏ tên là P K N, sinh ngày 04/8/2017, hiện tại cháu P N T đang ở cùng với anh H và cháu P K N đang ở cùng với ông bà ngoại và mẹ cháu. Sau khi ly hôn anh H muốn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P N T đến khi cháu T đủ 18 tuổi và cháu P K N ở với ông bà ngoại và mẹ cháu như hiện tại.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P V H và chị V T L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban xã B, trưởng bản C, xã D nơi bố mẹ chị L sinh sống có sự tham gia của bố chị L, trưởng bản A, xã B nơi vợ chồng anh H và chị L sau khi kết hôn sinh sống và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp xác định: Vợ chồng anh H và chị L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/10/2013. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh H và chị L sinh sống tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Trong thời gian sống với nhau thì anh H và chị L có cuộc sống bình thường như những cặp vợ chồng khác, gia đình và chính quyền địa phương cũng không hiểu lý do tại sao anh H và chị L lại ly thân nhau. Hiện tại chị L đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, chị L đi đâu làm gì cũng không báo cho chính quyền địa phương biết, chị L vẫn liên lạc về với gia đình, thỉnh thoảng chị L vẫn gửi tiền, về thăm nhà và các con, nhưng không ai biết chị L đang đi làm tại đâu. Chị L cũng đã biết việc anh H xin ly hôn, do bố mẹ chị L thông báo cho chị biết, chị cũng nhất trí ly hôn và nhất trí theo đề nghị của anh H về con chung, nợ chung, án phí, nhưng do công việc bận nên chị L nhắn với bố mẹ chị L là chị không về được, chị L không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu P N T. Nguyên vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố như hiện tại và quá trình xác minh tại bản C nơi bố mẹ chị L đang chăm cháu P KN, ý kiến của chị L và bố mẹ chị L là muốn tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của anh P V H, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh P V H

được ly hôn với chị V T L. Về con chung: Giao cháu P N T cho anh P V H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu P K N chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh P V H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị V T L. Tại thời điểm anh H gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh H không xác định nơi ở của chị L ở đâu, không cho ai biết địa chỉ cụ thể của chị ở đâu. Anh H chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị L là ở bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị L cũng vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình, thường xuyên gửi tiền về cho gia đình, thỉnh thoảng có về lại địa phương để thăm gia đình. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V T L là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không cùng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã thường xuyên. Hai người đã ly thân lâu không có sự quan tâm đến nhau, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, giải quyết cho anh P V H được ly hôn với chị V T L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là cháu P N T, sinh ngày 15/5/2014 và cháu nhỏ tên là P KN, sinh ngày 04/8/2017, hiện tại cháu P N T đang ở cùng với anh H và cháu P K N đang ở cùng với chị L và ông bà ngoại. Quá trình xác minh, lấy ý kiến của con chung thể hiện cả anh H, chị L, bố mẹ chị L và cháu T đều muốn được ở như hiện tại. Do đó, hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ 18

tuổi. Giao cháu N cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P V H và chị V T L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh P V H được ly hôn với chị V T L.

Về con chung: Giao cháu P N T, sinh ngày 15/5/2014 cho anh P V H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu P K N, sinh ngày 04/8/2017 cho chị V T L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi, các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh P V H và chị V T L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001272 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá